

Bản án số: 46/2023/LĐ-ST
Ngày 31 - 5 - 2024
V/v "Hủy HĐLĐ & điều chỉnh tên trên
sổ BHXH"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin,
- Bà Trần Thị Đồi.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 120/2023/TLST - LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST - LĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện ủy quyền: Ông Võ Hoài P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. (Hợp đồng ủy quyền ngày 09/10/2023), (Xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH S.

Địa chỉ trụ sở: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông L; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1977. Địa chỉ: A, Khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 11/12/2023), (Xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị Tuyền P1, sinh năm 1990. Địa chỉ Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Xin vắng mặt)

3.2 Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. Địa chỉ: Số H, Tuyến T Quốc lộ A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Từ tháng 09/2003 đến tháng 06/2023, bà vào làm công nhân may tại Công ty TNHH P2. Trong quá trình làm bà có tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm 0203293821. Tháng 07/2023 bà nghỉ việc và đăng ký bảo hiểm thất nghiệp tại trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh L theo quyết định số 27884/QĐ-SLĐTBXH – BHTN ngày 22/8/2023 nhưng bị cơ quan Bảo hiểm xã hội phát hiện trùng quá trình nên không lãnh được tiền.

Do không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Nguyễn Thị Tuyền P1 chưa đủ tuổi có thể đi làm để lo cho gia đình nên bà cho bà P1 mượn giấy CMND để bà P1 đi làm tại Công ty TNHH S trong thời gian từ tháng 12/2005 đến tháng 01/2013. Trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH S, bà P1 có tham gia bảo hiểm với số sổ 4806010825 mang tên bà là Nguyễn Thị Hồng D.

Việc bà cho bà P1 mượn CMND là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH S không phải bản thân bà. Hiện nay, đang tồn tại hai sổ sổ bảo hiểm là 0203293821 và 4806010825 cùng mang tên bà là bà Nguyễn Thị Hồng D, nhưng thực chất sổ sổ 4806010825 do bà P1 thực hiện nên bà không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm số sổ bảo hiểm: 0203293821 được. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Hồng D (do bà Nguyễn Thị Tuyền P1 thực hiện) với Công ty TNHH S từ tháng 12/2005 đến tháng 01/2013;

2/ Xử lý hợp đồng vô hiệu do không đúng nhân thân để bà Nguyễn Thị Hồng D có đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định.

Bị đơn Công ty TNHH S có văn bản trình bày:

Công ty xác nhận có ký hợp đồng lao động đúng theo pháp luật lao động với bà Nguyễn Thị Hồng D, bà D đã làm việc tại Công ty TNHH S từ ngày 16/11/2005 đến ngày 18/02/2013 thì nghỉ việc, công ty không biết có việc mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm. Khi bà D nghỉ việc công ty đã thực hiện chốt sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo đúng quy định. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì công ty S không đồng ý, vì bà Nguyễn Thị Tuyền P1 không liên quan đến Công ty nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Công ty. Đại diện công ty có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyền P1 trình bày tại bản tự khai ngày 11/12/2023: Trong khoảng thời gian tháng 12/2005 đến tháng 01/2013, do chưa đủ tuổi đi làm nên bà có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Hồng D để làm việc tại Công ty TNHH S. Trong quá

trình làm việc, Công ty TNHH S có tham gia bảo hiểm cho bà với số sổ bảo hiểm 4806010825 mang tên Nguyễn Thị Hồng D. Bà chưa thực hiện các thủ tục để được hưởng các chế độ về bảo hiểm đối với số sổ bảo hiểm 4806010825. Nay bà D có khởi kiện ra Tòa yêu cầu: Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Hồng D (do bà Nguyễn Thị Tuyên P1 thực hiện) với Công ty TNHH S từ tháng 12/2005 đến tháng 01/2013 và xử lý hợp đồng vô hiệu do không đúng nhân thân để bà Nguyễn Thị Hồng D có đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định thì bà đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày tại công văn số 587/BHXH-PQLT-ST về việc cung cấp thông tin, tài liệu và cử người tham gia tố tụng ngày 21/3/2024: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH S có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Hồng D từ tháng 12 năm 2005 đến tháng 01 năm 2013 với số sổ bảo hiểm 4806010825, bà D chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần và trợ cấp BHTN đối với số sổ bảo hiểm nêu trên. Tổng số tiền Công ty TNHH S đã nộp cho bà Nguyễn Thị Hồng D đối với số sổ bảo hiểm xã hội 4806010825 là 22.406.380 đồng.

Thực hiện công văn số 17667/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1 “v/v người lao động mượn hồ sơ của người khác giao kết hợp đồng lao động” không có quy định Tòa án huỷ sổ BHXH, do đó nội dung này Bảo hiểm xã hội không có ý kiến trao đổi. BHXH tỉnh L đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D về việc Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Hồng D (do bà Nguyễn Thị Tuyên P1 thực hiện) với Công ty TNHH S từ tháng 12/2005 đến tháng 01/2013. Xử lý hợp đồng vô hiệu do không đúng nhân thân để bà Nguyễn Thị Hồng D có đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng D nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a

khoản 2 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH S có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Hồng D người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Nguyễn Thị Tuyên P1 và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Hồng D khởi kiện Công ty TNHH S vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo là còn trong thời hiệu khởi kiện; Bà Nguyễn Thị Hồng D có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Nguyễn Thị Hồng D có nộp sổ BHXH số 0203293821; Bản ghi quá trình tham gia BHXH, BHTN đối với BHXH số 4806010825 mang tên bà Nguyễn Thị Hồng D.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật Lao động 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy bà Nguyễn Thị Hồng D có cho bà Nguyễn Thị Tuyên P1 mượn chứng minh thư mang tên Nguyễn Thị Hồng D để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2005 cho đến tháng 01/2013 tại Công ty TNHH S theo sổ BHXH số 4806010825. Trong khi đó bà Nguyễn Thị Hồng D cũng tham gia lao động tại Công Ty TNHH P2 từ tháng 09/2003 đến tháng 06/2023, bà D cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo sổ số là 0203293821. Nay bà Nguyễn Thị Hồng D không được hưởng tiền bảo hiểm của chính mình là sổ BHXH số 0203293821 nên có yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Hồng D tại Công ty TNHH S từ tháng 12/2005 đến tháng 01/2013 là có căn cứ. Bởi vì đối tượng lao động thực sự lao động trong giai đoạn này tại Công ty TNHH S là bà Nguyễn Thị Tuyên P1 không phải là bà Nguyễn Thị Hồng D;

Việc bà **D** cho bà **P1** mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm tại **Công ty TNHH S** là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 do đó việc hủy thời gian đóng BHXH từ tháng 12/2005 đến tháng 01/2013 do **Công ty TNHH S** đóng cho bà **Nguyễn Thị Tuyên P1** trên sổ sổ bảo hiểm 4806010825 có căn cứ.

Bà **Nguyễn Thị Tuyên P1** và **Công ty TNHH S** không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc **Công ty TNHH S** chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định, bà **Nguyễn Thị Hồng D** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật lao động, khoản 4 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Hồng D** về việc: “*Tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” với **Công ty TNHH S**.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà **Nguyễn Thị Tuyên P1** (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên bà **Nguyễn Thị Hồng D**) với **Công ty TNHH S** từ tháng 12/2005 đến tháng 01/2013.

1.2. Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4806010825 ngày 18/9/2023 cấp cho bà **Nguyễn Thị Hồng D** do **Công ty TNHH S** nộp từ tháng 12/2005 đến tháng 01/2013 tại **Bảo hiểm xã hội tỉnh L** thành tên bà **Nguyễn Thị Tuyên P1**.

Bà **Nguyễn Thị Hồng D** được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà **Nguyễn Thị Hồng D** với **Công ty TNHH P2** theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 0203293821.

Bà **Nguyễn Thị Tuyên P1** được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà **Nguyễn Thị Tuyên P1** với **Công ty TNHH S** theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4806010825.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH S nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Sơn

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Kim T – Nguyễn Thị Rạt Nguyễn Thị Mộng T1

